

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2018/HSPT

Ngày: 12/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trực.

2. Bà Quách Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Ân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 663/2017/HSPT ngày 09/11/2017 đối với bị cáo Nguyễn Anh K và Huỳnh Hoàng H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 124/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Anh K**; giới tính: nam; sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 221/5 đường Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Nguyễn Quang T (chết) và bà Trầm Thị L (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Phạm Thị Đ, có 2 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: (không).

Bắt, tạm giam: 03/7/2016;

Thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú: 29/11/2016;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

2. **Hoàng Ngọc H**; giới tính: nam; sinh năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 377/43H đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: (lao động tự do); trình độ văn hoá: 11/12; con ông Hoàng Văn Q (chết) và bà Phạm Thị T (chết); hoàn cảnh gia đình: vợ tên Nguyễn Minh T, có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 03/7/2016;

Thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú: 29/11/2016;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

Các bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Nguyễn Hữu S; giới tính: nam; sinh năm 1957.

2. Nguyễn Quốc H(1); giới tính: nam; sinh năm 1979.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 30/6/2016, tổ tuần tra Công an Quận 3 khi tuần tra đến trước số nhà 221/5 đường Võ Văn Tần, Phường 2, Quận 3 thì phát hiện Hoàng Ngọc H có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong người H có tờ giấy A4 ghi nội dung là “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” đối với xe mô tô biển số 53R4 – 8167, tên chủ xe là Nguyễn Anh K, có đóng dấu của Công an Quận 3 và chữ ký của Thượng tá Nguyễn Văn Chiến. Do nghi ngờ giấy tờ trên là giả nên tổ tuần tra đưa H cùng vật chứng về trụ sở Công an Quận 3 làm rõ.

Qua khám xét tại nhà của Hoàng Ngọc H tại địa chỉ 377/43H đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Cơ quan công an thu giữ được: 63 tờ giấy A4 có sẵn hình dấu của Công an Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh và chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Hoàng Diệp; 1 tờ giấy A4 có hình dấu của Công an Quận 3; 74 tờ giấy A4 có hình dấu của Công an Quận 3, có chữ ký, dấu tên Thượng tá Nguyễn Văn Chiến; 63 tờ giấy A4 có hình dấu của Công an Quận 3 nhưng không có chữ ký “Thượng tá Nguyễn Văn Chiến” và một số vật dụng liên quan đến việc in ấn (bl.112).

Trên cơ sở lời khai của H, Công an Quận 3 mời Nguyễn Hữu S đến trụ sở Công an Quận 3 làm việc và thu giữ được trong người S 2 “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” xe mô tô mang biển số 53V4-6996 và 53RB-0065 mang tên chủ sở hữu là Nguyễn Anh K (bl.308)

Trong quá trình điều, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3 còn thu giữ tại Cục H(1) quan Thành phố Hồ Chí Minh 357 “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” mang tên Nguyễn Anh K và Nguyễn Văn Thảo, có đóng hình con dấu của Công an Quận 3, chữ ký và dấu tên Phó trưởng Công an Quận 3, Thượng tá Nguyễn Văn Chiến (bl.1187, 1409, 1438);

Theo kết luận giám định số 893/KLGD-TT ngày 06/7/2016 và kết luận giám định số 1299/KLGD-TT ngày 06/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định được như sau: Hình con dấu có nội dung “Công an TP Hồ Chí Minh – Công an Quận 3” và chữ ký đứng tên “Nguyễn Văn Chiến” và “Nguyễn Hoàng Diệp” trên các tài liệu thu giữ được như đã nêu là giả, được làm giả bằng phương pháp tô đồ lên hình dấu in, chữ ký in, in phun màu.

Kết quả điều tra, xác định được như sau:

Hoàng Ngọc H và Nguyễn Anh K quen biết với nhau từ năm 2006 do K thường đến nơi H làm việc để photo tài liệu, giấy tờ. Vào khoảng năm 2013, K nói với H rằng K cần “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” để làm thủ tục xuất xe máy cũ ra nước ngoài nhưng không thể làm được; đồng thời K nhờ H làm giả và đưa cho H một bản chính “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” có đóng dấu của Công an Quận 3 và chữ ký của Thượng tá Nguyễn Văn Chiến, H đồng ý. H chụp lại hình “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” do K đưa và dùng máy vi tính và phần mềm Corel Draw vẽ lại chữ ký rồi xóa chữ ký ban đầu để lấy hình con dấu từ bản chính. Sau khi tách được chữ ký và hình con dấu, H dùng máy in màu in hình con dấu của Công an Quận 3 lên tờ giấy A4 rồi tiếp tục in chữ ký lên tờ giấy A4 đã có in hình con dấu. H lưu các file hình đã làm trong máy tính, khi cần K điền thêm tin và in ra. K trả cho H tiền công làm một “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” giả là 400.000đ.

Nguyễn Hữu S và Nguyễn Quốc H(1) là nhân viên xuất nhập khẩu của Công ty vận tải Mặt Trời. Do có nhu cầu xuất bán ra nước ngoài các xe máy cũ đã mua trôi nổi trên thị trường nhưng không thể làm được “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” theo quy định nên S giới thiệu K với H(1) và nhờ K làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe”. H(1) và K thỏa thuận với nhau rằng K sẽ làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” cho H(1) với giá 1.000.000đ/giấy.

K làm nghề mua bán xe Vespa cũ và thường xuyên làm thủ tục xuất xe máy cũ ra nước ngoài nên có quen biết với S. S giới thiệu K với H(1) và đặt vấn đề nhờ K làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” với giá 1.000.000đ/giấy. K đồng ý. Sau đó, K nhờ H làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” theo yêu cầu của H(1), S với giá 400.000đ/giấy.

K đã nhiều lần đã nhờ H làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” và giao lại cho H(1) và S.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 124/2017/HSST ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc H, Nguyễn Anh K phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự),

Xử phạt Nguyễn Anh K 2 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2016 đến ngày 29/11/2016.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; Điều 20; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Hoàng Ngọc H 2 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2016 đến ngày 29/11/2016

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 1 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Quốc H(1) 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo; tuyên buộc K phải nộp lại 216.000.000đ và H phải nộp lại 144.000.000đ tiền thu lợi bất chính; tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ dân sự, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 08/10/2018 bị cáo Hoàng Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, thật thà khai báo, từ trước đến nay làm ăn lương thiện; bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do vậy, bị cáo xin được hưởng án treo,

Ngày 08/10/2018, bị cáo Nguyễn Anh K có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo chỉ là người trung gian môi giới giữa H(1) và H, bị cáo chưa phạm tội lần nào, cha mẹ bị cáo tham gia kháng chiến chống Mỹ và được Chủ tịch nước trao tặng huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang có con nhỏ. Do vậy bị cáo xin được hưởng án treo.

Trong thời gia chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo H tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 144.000.000đ, đồng thời nộp bổ sung tài liệu là Đơn xin xác nhận là người có nhân thân tốt có xác nhận của chính quyền địa phương và biên lai nộp tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Bị cáo H bổ sung nội dung kháng cáo như sau: Bị cáo đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, ngoài lần

phạm tội này, từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Mặc dù, có phát sinh tình tiết mới đó là bị cáo H tự nguyện giao nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính và được chính quyền địa phương xác nhận là người có nhân thân tốt. Tuy nhiên, mức án mà Tòa án Quận 3 đã tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do vậy, có cơ sở để xác định hành vi khách quan của tội phạm mà cáo trạng và bản án sơ thẩm đã mô tả và nhận định là đúng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của luật pháp, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo theo tội danh, điều luật đã nêu là đúng pháp luật.

[4]. Trong vụ án này, bị cáo K là người khởi xướng việc làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe”. Khi biết S và H(1) có nhu cầu làm

giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe để làm thủ tục xuất khẩu, K nhận mình là người làm nghề buôn bán xe lâu năm, quen biết nhiều công an nên có thể làm giấy cho S và H(1), giá thỏa thuận làm giả mỗi giấy là 1.000.000đ. K cung cấp mẫu và thuê H làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” với giá 400.000đ. Mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội có phần cao hơn so với H. K là người được hưởng lợi nhiều nhất và chưa nộp lại tiền thu lợi bất chính. K chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với K là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm và các tình tiết giảm nhẹ mà K được hưởng. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của K.

[5]. Bị cáo H là người trực tiếp làm giả “Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe” theo yêu cầu của K. H chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H là đúng pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 144.000.000đ. Đây là tình tiết mới phát sinh và được xem là tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, được chính quyền địa phương xác nhận từ trước đến nay chưa có vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo có con chưa thành niên. Trong vụ án này, bị cáo cũng đã bị tạm giam, giữ gần 5 tháng, trong thời gian được tại ngoại chấp hành tốt yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, thể hiện có khả năng tự cải tạo. Với các lý do đã nêu, cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng mà cho hưởng án treo

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 124/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh K và Hoàng Ngọc H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Nguyễn Anh K 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 03/7/2016 đến ngày 29/11/2016.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ

luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Hoàng Ngọc H 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Bị cáo Nguyễn Anh K phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Hoàng Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.